



**CTY TNHH MTV PHONG PHONG PHÚ**






















**630 Hương Lộ 2- Phường Bình Trị Đông - Quận Bình Tân-TP.HCM**






















**Tel: (028) 3762 0419 - 0937 582 568 - Chi Lương: 0938 873 808**

**BẢNG GIÁ NHÔM THANH CAO CẤP TUNGSHIN HỆ T**

Áp dụng từ: 01/01/2021

DVT: 1000Đ (Giá đã bao gồm thuế GTGT 10%)

Mã số	Kích thước & mặt cắt	Trắng, Nâu, Xám	Vàng	Trắng mờ	Màu X. Nhám 927	Sơn TD Màu #265
<b>CỬA SỔ LỬA HỆ T500</b>						
<b>T5051</b> Máng trên	 70 x 31.524	417	465	403	437	434
<b>T5052</b> Máng dưới	 70 x 34.2	363	405	352	373	370
<b>T5053</b> Khung bao	 72.8 x 22.1	270	301	262	284	280
<b>T5054</b> Ngang trên	 21.9 x 25.4	201	224	195	213	212
<b>T5055</b> Ngang dưới	 54 x 21.9	282	314	273	299	287
<b>T5056</b> Đứng móc	 34.9 x 28.492	235	262	228	244	242
<b>T5057</b> Đứng trơn	 31.7 x 25.4	211	235	204	239	220
<b>T5058</b> Ghép máng	 70 x 15.9	185	206	178	198	197
<b>T5126</b> Trung gian	 31.9 x 21.509	175	155	135	183	178
<b>CỬA ĐI HỆ 700</b>						
<b>T7002</b> Khung bao	 70 x 30	431	480	417	429	429
<b>T7005</b> Ghép giữa	 70 x 30	611	680	590	589	589
<b>T7006</b> Ngang giữa	 70 x 30	610	680	590	587	586
<b>T7008</b> Ghép giữa	 70 x 30	425	474	412	434	433
<b>T7011</b> Hộp hai gờ	 76.2 x 25.4	442	493	428	460	460
<b>T7012</b> Hộp một gờ	 76.2 x 25.4	430	479	416	451	451
<b>T7019</b> K. bao gờ	 76.2 x 25.4	327	364	316	340	332
<b>T7051</b> Trên dưới	 75 x 25.4	551	614	533	552	552
<b>T7052</b> Đứng trơn 6m	 50 x 30	404	450	391	426	426
<b>T7053</b> Đứng móc 6m	 64 x 35.9	478	532	462	488	488
<b>T7052</b> Đứng trơn 4.4m	 50 x 30	296	330	287	312	312
<b>T7053</b> Đứng móc 4.4m	 64 x 35.9	351	390	339	358	358

Mã số	Kích thước & mặt cắt	Trắng, Nâu, Xám	Vàng	Trắng mờ	Màu X. Nhám 927	Sơn TD Màu #265
<b>CỬA ĐI HỆ 700 BẢN LỚN - BẢN LỀ SÀN - HỆ T1000</b>						
<b>T7052A</b> Đứng trơn 6m	 100 x 300	658	733	636	691	691
<b>T7053A</b> Đứng móc 6m	 114 x 36	744	829	719	754	754
<b>T7052A</b> Đứng trơn 4.4m	 100 x 30	483	538	466	507	507
<b>T7053A</b> Đứng móc 4.4m	 114 x 36	546	608	527	553	553
<b>T7052A</b> Đứng trơn 4.8m	 100 x 30	526	586	509	553	553
<b>T7053A</b> Đứng móc 4.8m	 114 x 36	595	663	575	603	603
<b>T1070</b> Khung bao	 101.6 x 44.5	915	1019	885	907	898
<b>T1071</b> Khungbao	 101.6 x 50	1070	1192	1035	1061	1051
<b>T2840</b> Bản lề sàn	 80 x 38.5	1369	1525	1325	1461	1434
<b>T1001</b> Ngang giữa	 101.6 x 44.5	807	899	781	825	814
<b>T1002</b> Đứng hông	 101.6 x 44.5	775	863	749	792	789
<b>T1003</b> Hình hộp	 101.6 x 44.5	751	836	726	780	780
<b>T1009</b> Đứng hờ	 101.6 x 44.5	623	694	602	649	638
<b>T1010</b> Hông hờ	 101.6 x 44.5	613	623	593	602	602
<b>T1051</b> Ngang trên	 44.5 x 44.5	516	522	499	509	507
<b>T1051</b> Ngang trên 4.4m	 44.5 x 44.5	378	383	366	373	372
<b>T1052</b> Đứng trơn	 44.5 x 50.8	529	538	512	520	520
<b>T1052</b> Đứng trơn 4.4m	 44.5 x 50.8	388	395	375	381	381
<b>T1053</b> Đứng lông nheo	 44.5 x 50.8	557	566	539	547	546
<b>T1053B</b> Đứng lông nheo	 44.5 x 50.8	563			547	531
<b>T1053B</b> Đ. L. nheo 4.4m	 44.5 x 50.8	413			401	389
<b>T1054</b> Ngang dưới	 98.4 x 44.5	851	860	823	836	836



**CTY TNHH MTV PHONG PHONG PHÚ**

**630 Hương Lộ 2- Phường Bình Trị Đông - Quận Bình Tân-TP.HCM**

**Tel: (028) 3762 0419 - 0937 582 568 - Chi Lương: 0938 873 808**

**BẢNG GIÁ NHÔM THANH CAO CẤP TUNGSHIN HỆ T**

Áp dụng từ: 01/01/2021

DVT: 1000Đ (Giá đã bao gồm thuế GTGT 10%)

Mã số	Kích thước & mặt cắt	Trắng, Nâu, Xám	Vàng	Trắng mờ	Màu X. Nhám 927	Sơn TD Màu #265
<b>CỬA ĐI HỆ 700</b>						
<b>T7052</b> Đứng trơn 4.8m	50 x 30	323	360	313	341	341
<b>T7053</b> Đứng móc 4.8m	64 x 35.9	382	426	370	390	390
<b>T7054</b> Đồ giữa	100 x 25.4	641	714	620	683	650
<b>T7109</b> Khung bao	70 x 23	304	339	294	332	332
<b>PX48</b> Khung bao	101.6 x 44.5	504	562	488	524	524
<b>PX91</b> Nắp dẫy	101.6 x 15	322	359	311	331	316
<b>PX86</b> Rây đi lùa	76.2 x 17.5	424	472	410	436	433

Mã số	Kích thước & mặt cắt	Trắng, Nâu, Xám	Vàng	Trắng mờ	Màu X. Nhám 927	Sơn TD Màu #265
<b>CỬA ĐI LÙA HỆ T720</b>						
<b>T7251</b> Máng trên	34.2 x 35.2	280	312	271	280	277
<b>T7252</b> Ray đơn	43 x 17.8	204	228	198	208	205
<b>T7253</b> Đứng k.bao	41 x 38.26	184	212	174	200	194
<b>T7254</b> Ngang trên	25.4 x 35	289	322	279	298	294
<b>T7255</b> Ngang dưới	70 x 25.4	432	482	418	444	441
<b>T7256</b> Đứng móc 6m	28.4 x 36.3	327	364	316	363	358
<b>T7257</b> Đứng trơn 6m	51 x 28.4	372	414	360	376	373
<b>T7256</b> Đứng móc 4.4m	28.4 x 36.3	240	267	232	266	263
<b>T7256</b> Đứng móc 4.8m	28.4 x 36.3	262	291	253	290	286
<b>T7257</b> Đứng trơn 4.4m	51 x 28.4	273	304	264	276	274
<b>T7257</b> Đứng trơn 4.8m	51 x 28.4	298	331	288	301	298
<b>T7259</b> Đứng bên	37.7 x 32	285	317	275	292	290
<b>PX84</b> Máng trên	76 x 34.8	406	452	392	429	422
<b>PX83</b> Máng dưới	76 x 34.2	456	508	442	447	447
<b>PX85</b> Đứng hông bao	79.4 x 22	307	342	297	313	296



**CTY TNHH MTV PHONG PHONG PHÚ**

530 Hương Lộ 2- Phường Bình Trị Đông - Quận Bình Tân-TP.HCM

Tel: (028) 3762 0419 - 0937 582 568 - Chi Lương: 0938 873 808

**BẢNG GIÁ NHÔM THANH CAO CẤP TUNGSHIN HỆ T**

Áp dụng từ: 01/01/2021

ĐVT: 1000Đ (Giá đã bao gồm thuế GTGT 10%)

Mã số	Kích thước & mặt cắt	Trắng, Nâu, Xám	Vàng	Trắng mờ	Màu X. Nhám 927	Sơn TB Màu #265	Mã số	Kích thước & mặt cắt	Trắng, Nâu, Xám	Vàng	Trắng mờ	Màu X. Nhám 927	Sơn TB Màu #265
<b>CỬA SỔ BẠT HỆ T380 - LÁ SÁCH CỐ ĐỊNH</b>													
T3801	Khung bao 39.5 x 38.5	254	283	246	244	242	T6308	Ống tròn Ø8	41	45	39	41	40
T3803	Khung cánh 48 x 33.5	336	374	325	333	332	T6309	Ống tròn Ø9	52	57	50	52	51
T3805	Gài lớn 37.2 x 24.7	161	179	156	161	161	T6312	Ống tròn Ø12	65	72	63	68	65
T3806	Gài nhỏ 19.6 x 15	121	134	117	130	130	T6316	Ống tròn Ø16	79	88	77	86	78
T9901	Lá sách 70 x 30.1	254	282	245	259	258	T6319	Ống tròn Ø19	98	109	95	99	97
T9902	Lá sách 32.4 x 12	114	127	110	116	116	T6325	Ống tròn Ø25	148	164	143	145	145
T9903	Lá sách 27.3 x 8	107	119	104	109	108	T6101	Hình hộp 25.4 x 25.4	152	169	147	154	154
T9905	Lá sách 25 x 41	188	209	182	190	189	T6102	Hình hộp 38.1 x 25.4	185	206	179	194	188
T9908	Lá sách 122 x 77.5	837	932	809	845	845	T6103	Hình hộp 50.8 x 25.4	218	243	211	242	236
T9909	Lá sách 82 x 34	728	811	704	738	735	T6105	Hình hộp 19.8 x 12.8	92	102	89	100	94
T4221	Lamri sóng 107.5 x 6.5	163	182	158	172	165	T6108	Hình hộp 25 x 12	106	118	102	111	111
T4222	Lamri sóng 99.7 x 7.5	179	199	173	185	185	T6109	Hình hộp 50 x 38	311	346	300	307	307
T4223	Lamri phẳng 104 x 5.5	224	250	217	262	249	PX99	Hình hộp 50 x 30	296	329	286	296	306
T4332	Lamri hộp 103 x 5.5	385	428	372	393	390	T6110	Hình hộp 76 x 38	403	449	390	408	421
T4333	Lamri hộp phẳng 108.1 x 6	512	612	471	581	559	T6111	Hình hộp 20 X 10	87	97	85	91	89
W5610D	Lamri hộp phẳng 107.6 x 10	382	425	369	403	400	T6112	Hình hộp 100 x 25	535	596	518	568	568
T9841	Đế gài 5li 24.75 x 14.8	102	102	97	99	99	T6114	Hình hộp 38 x 38	228	254	221	250	235
T9842	Nẹp gài 5li 12.5 x 13.8	58	58	52	61	59	T6118	Hình hộp 80 x 80	987	1100	955	978	978
T3242	Nẹp gài 10li 19.4 x 16.2	111	111	99	99	96	T6119	Hình hộp 76 x 76	751	836	726	773	773
T3243	Đế gài 10li 33.8 x 17.7	130	144	125	137	134	T7004	Hình hộp 76 x 44	475	540	446	538	494
PX97	Nẹp gài 10.5 x 14.8	57	64	56	58	56	T7013	Hình hộp 76 x 25	344	383	332	370	370
PX98	Đế bầu 32.6 x 14.8	136	152	132	136	138	T9742	Chữ E 21 x 14	105	117	102	108	107
PX96	Nẹp gài H76 31.9 x 20	170	189	164	166	166	T9743	Ray dày 17 x 6.05	121	135	117	123	122
PX95	Đế bầu H76 60 x 20	246	274	238	249	235	T9744	Rày mỏng 17 x 6.0	76	84	73	76	76



**CTY TNHH MTV PHONG PHONG PHÚ**

























530 Hương Lộ 2- Phường Bình Trị Đông - Quận Bình Tân-TP.HCM

Tel: (028) 3762 0419 - 0937 582 568 - Chi Lương: 0938 873 808

**BẢNG GIÁ NHÔM THANH CAO CẤP TUNGSHIN HỆ T**

Áp dụng từ: 01/01/2021

ĐVT: 1000Đ (Giá đã bao gồm thuế GTGT 10%)

Mã số	Kích thước & mặt cắt	Trắng, Nâu, Xám	Vàng	Trắng mờ	Màu X. Nhám 927	Sơn TD Màu #265	Mã số	Kích thước & mặt cắt	Trắng, Nâu, Xám	Vàng	Trắng mờ	Màu X. Nhám 927	Sơn TD Màu #265
<b>CỬA SỔ BẠT HỆ T380 - LÁ SÁCH CỐ ĐỊNH</b>													
<b>T5425</b> Nẹp gài K 25li	23 x 27 	243	275	230	258	250	<b>T9745</b> Kẹp kiềng lớn	28.9 x 10 	148	164	143	154	148
<b>T6001</b> Hình U	9.5 x 9.5 	43	48	42	46	46	<b>T9745A</b> Kẹp kiềng nhỏ	24.7 x 9.95 	97	108	94	101	101
<b>T6002</b> Hình U	12.7 x 12.7 	59	66	57	61	61	<b>T9753</b> Cánh trơn cong	25.8 x 14 	122	136	118	127	122
<b>T6003</b> Hình U	7 x 12 	47	52	45	49	49	<b>T9753A</b> Cánh trơn	27.5 x 14 	128	143	124	137	132
<b>T6201</b> Hình V	12.7 x 12.7 	40	45	39	41	41	<b>T9754</b> Cánh gờ cong	25.8 x 14 	130	145	126	137	130
<b>T6202</b> Hình V	19.1 x 19.1 	59	66	57	64	59	<b>T9754A</b> Cánh gờ thẳng	27.5 x 14 	135	150	130	137	134
<b>T6203</b> Hình V	25.4 x 25.4 	81	90	78	81	81	<b>T9756</b> Ngang giữa tủ	37. x 18 	184	205	178	190	188
<b>T6204</b> Hình V	10 x 10 	31	35	30	37	33	<b>T9759</b> Bo 2 rãnh	28 x 28 	173	193	168	178	176
<b>T9711</b> Hộp đèn	130 x 16 			296			<b>T9760</b> Bo 1 rãnh	30 x 30 	197	219	190	198	197
<b>T9712</b> Hộp đèn	126 x 15.6 			275			<b>T9761</b> Cánh trơn tủ áo	40 x 18 	159	177	154	177	172
							<b>T9761A</b> Cánh gờ tủ áo	40 x 18 	173	193	168	178	180
							<b>T9762</b> Lá đầu tủ	35 x 25.14 	153	171	148	158	157
							<b>T6801</b> Trần T	24 x 25 	76	88	74	81	79
							<b>T9701</b> Kéo màn	21.4 x 14.5 			95		



**CTY TNHH MTV THÉP PHÚ XUÂN VIỆT**

**630 Hương Lộ 2- Phường Bình Trị Đông - Quận Bình Tân-TP.HCM**

**Tel: (028) 3762 0419 - 0937 582 568 - Chi Lương: 0938 873 808**

**BẢNG GIÁ NHÔM THANH CAO CẤP TUNGSHIN HỆ S**

Áp dụng từ: 01/01/2021

DVT: 1000Đ (Giá đã bao gồm thuế GTGT 10%)

Mã số	Kích thước & mặt cắt	Trắng, Nâu, Xám	Vàng	Trắng mờ	Màu X. Nhám 927	Sơn TB Màu #265
<b>CỬA SỔ LỬA HỆ S500</b>						
S5051 Máng trên	70 x 31.6	353	378	308	369	358
S5052 Máng dưới	70 x 34.2	303	330	270	306	297
S5053 Khung bao	72.8 x 22	213	246	201	231	224
S5054 Ngang trên	21.9 x 25.4	154	180	146	166	161
S5055 Ngang dưới	54 x 21.9	240	248	205	250	243
S5056 Đứng móc	34.9 x 28.5	195	224	185	206	200
S5057 Đứng trơn	31.7 x 25.4	166	197	160	182	177
S5126 Trung gian	31.9 x 21.5	137	149	123	139	135
<b>CỬA ĐI HỆ S700</b>						
S7001 KB ngang	70 x 35	342	390	324	359	349
S7002 Khung bao	70 x 30	323	375	306	341	331
S7005 Ghép giữa	70 x 30	402	492	397	469	455
S7006 Ngang giữa	70 x 30	456	501	407	490	476
S7008 Ghép giữa	70 x 30	336	379	314	359	349
S7011 Hộp hai gờ	76.2 x 25.4	350	390	321	371	360
S7012 Hộp một gờ	76.2 x 25.4	330	369	303	351	341
S7019 K. bao gờ	76.2 x 25.4	247	287	233	271	263
S7020 K. bao gờ	76.2 x 25.4	230	274	219	250	243
S7051 Trên dưới	75 x 25.4	396	446	360	411	399
S7052 Đứng trơn 6m	50 x 30	338	357	298	356	346
S7053 Đứng móc 6m	64 x 35.9	337	390	313	355	345
S7052 Đứng trơn 4.8m	50 x 30	270	286	238	285	277
S7053 Đứng móc 4.8m	64 x 35.9	270	312	250	284	276

Mã số	Kích thước & mặt cắt	Trắng, Nâu, Xám	Vàng	Trắng mờ	Màu X. Nhám 927	Sơn TB Màu #265
<b>LAMRI</b>						
S4221 Lamri sóng	107.5 x 6.5	149	179	142	170	165
S4222 Lamri sóng	99.7 x 4.5	135	157	126	142	138
S4223 Lamri phẳng	104 x 9.4	175	194	160	205	199
S4332 Lamri hộp	103 x 9.8	285	309	258	305	296
S5610D Lamri hộp phẳng	107.6 x 10	305	325	267	325	316
<b>MẶT CẮT THƯỜNG DÙNG</b>						
S6101 Hình hộp	25.4 x 25.4	90	128	104	112	109
S6102 Hình hộp	38.1 x 25.4	127	162	131	135	131
S6103 Hình hộp	50.8 x 25.4	159	191	156	171	166
S6105 Hình hộp	19.8 x 12.8	75	82	72	85	83
S6108 Hình hộp	25 x 12	81	94	77	85	83
S6109 Hình hộp	50 x 38	222	243	200	229	222
S6110 Hình hộp	76 x 38	303	333	267	319	310
S6113 Hình hộp	20 X 20	94	103	91	98	95
S6116 Hình hộp	15 x 10	55	66	53	58	56
S1003 Hình hộp	101.6 x 44.5	569	652	552	604	586
S7013 Hình hộp	76.2 x 25.4	265	295	245	298	289
S7004 Hình hộp	76 x 44	396	436	361	431	418
<b>TỦ KỆ</b>						
S9753 Cánh trơn	25.8 x 14	92	106	89	100	97
S9753A Cánh trơn	17.5 x 14	84	106	91	94	91
S9754 Cánh gờ	25.8 x 14	100	114	95	107	104
S9754A Cánh gờ	27.5 x 14	98	114	95	108	105



**CTY TNHH MTV THÉP PHÚ XUÂN VIỆT**

**630 Hương Lộ 2- Phường Bình Trị Đông - Quận Bình Tân-TP.HCM**

**Tel: (028) 3762 0419 - 0937 582 568 - Chi Lương: 0938 873 808**

**BẢNG GIÁ NHÔM THANH CAO CẤP TUNGSHIN HỆ S**

Áp dụng từ: 01/01/2021

DVT: 1000Đ (Giá đã bao gồm thuế GTGT 10%)

Mã số	Kích thước & mặt cắt	Trắng, Nâu, Xám	Vàng	Trắng mờ	Màu X. Nhám 927	Sơn TD Màu #265
<b>CỬA ĐI HỆ S700</b>						
<b>S7052</b> Đứng trơn 4.4m	50 x 30	248	262	219	261	254
<b>S7053</b> Đứng trơn 4.4m	64 x 35.9	247	286	230	261	253
<b>S7054</b> Đồ giữa	 100 x 25.4	456	536	438	477	463
<b>S7109</b> Khung bao	 70 x 23	243	292	239	263	255
<b>S9841</b>	 24.75 x 14.8	79	93	78	82	80

Mã số	Kích thước & mặt cắt	Trắng, Nâu, Xám	Vàng	Trắng mờ	Màu X. Nhám 927	Sơn TD Màu #265
<b>TỦ KỆ</b>						
<b>S9759</b> Bo 2 rãnh	28 x 28	122	147	122	136	131
<b>S9761</b> Cánh trơn tủ áo	 40 x 18	115	146	123	136	132
<b>S9761A</b> Cánh tủ áo gờ	 40 x 18	124	157	131	138	133
<b>T9742</b> Chữ E	21 x 14	105	117	102	108	107
<b>T9743</b> Ray tủ	17 x 6.05	121	135	117	123	122
<b>T9744</b> Ray tủ C	17 x 6.0	76	84	73	76	76
<b>T9745A</b> Kẹp kính	24.7 x 9.5	97	108	94	101	101



**CTY TNHH MTV PHONG PHONG PHÚ**

















**630 Hương Lộ 2- Phường Bình Trị Đông - Quận Bình Tân-TP.HCM**

**Tel: (028) 3762 0419 - 0937 582 568 - Chi Lương: 0938 873 808**

**BẢNG GIÁ NHÔM THANH CAO CẤP TUNGSHIN HỆ S**

Áp dụng từ: 01/01/2021

ĐVT: 1000Đ (Giá đã bao gồm thuế GTGT 10%)

Mã số	Kích thước & mặt cắt	Trắng, Nâu, Xám	Vàng	Trắng mờ	Màu X. Nhám 927	Sơn TB Màu #265	Mã số	Kích thước & mặt cắt	Trắng, Nâu, Xám	Vàng	Trắng mờ	Màu X. Nhám 927	Sơn TB Màu #265
<b>CỬA SỔ BẠT HỆ T380 - LÁ SÁCH CÓ ĐỊNH</b>													
S3242 Nẹp gài 10li	19.4 x 16.2 	68	77	66	72	70	S6308 Ống tròn	Φ8 	28	30	27	30	29
S3243 Đế gài 10li	33.8 x 17.7 	96	110	93	104	101	S6309 Ống tròn	Φ9 	30	35	29	32	31
S6001 Hình U	9.5 x 9.5 	30	35	29	32	31	S6310 Ống tròn	Φ10 	35	39	34	38	37
S6002 Hình U	12.7 x 12.7 	43	48	41	45	44	S6312 Ống tròn	Φ12 	39	45	39	43	42
S6003 Hình U	7 x 12 	36	39	34	38	37	S6316 Ống tròn	Φ16 	56	64	53	58	56
S6201 Hình V	12.7 x 12.7 	26	31	28	27	26	S6319 Ống tròn	Φ19 	65	75	65	71	69
S6202 Hình V	19.1 x 19.1 	39	49	41	42	41	S6801 Trần T	24 x 25 	72	80	68	76	74
S6203 Hình V	25.4 x 25.4 	48	65	55	52	50	S9742 Chữ E	27.7 x 14 	62	79	67	66	64

**CTY TNHH MTV PHONG PHONG PHÚ**

630 Hương Lộ 2- Phường Bình Trị Đông - Quận Bình Tân-TP.HCM

Tel: (028) 3762 0419 - 0937 582 568 - Chi Lương: 0938 873 808

**BẢNG GIÁ NHÔM THANH CAO CẤP TUNGSHIN HỆ TS1068 - 1040A**

Áp dụng từ: 01/01/2021

DVT: 1000Đ (Giá đã bao gồm thuế GTGT 10%)

Mã số	Kích thước & mặt cắt	Trắng, Nâu, Xám	Vàng	Trắng mờ	Màu X. Nhám 927	Sơn TB Màu #265	Mã số	Kích thước & mặt cắt	Trắng, Nâu, Xám	Vàng	Trắng mờ	Màu X. Nhám 927	Sơn TB Màu #265
T5401C	100 X 40	1002	1116	969	962	960	T5406	45 X 20	399	486	379	420	408
T5405F	97 X 100	1444	1756	1369	1521	1477	T5407	45 X 20	369	447	348	389	378
T5402C	97 X 65	1369	1661	1295	1439	1397	T5408	50 X 21.9	388	470	367	407	395
T5401B	97 X 34.4	768	856	743	764	761	T5409	66.5 X 21.9	462	561	438	485	471
T5403	100.2 X 35	758	919	716	797	774	T5414	42 X 16	288	346	272	301	292
T5405C	97 X 40	894	###	843	928	892	T5416A	45 X 14.9	317	385	299	334	324
T5401	100 X 40	827	1005	782	870	845	T5418	45 X 13.8	298	363	283	314	305
T5402	97 X 65	1267	1538	1199	1331	1292	T5417A	74 X 13.8	451	551	429	476	462
T5405B	97 X 100	1513	1838	1436	1592	1546	T5418A	45 X 13.8	331	403	313	349	339
T5410C	57 X 23.8	435	529	411	457	444	T5424	15 X 19.5	144	175	136	150	146
T5410F	59.5 X 23.8	457	556	434	482	468	T5426	9.8 X 8.5	91	110	84	96	93
T5411D	55 X 29.8	485	590	458	511	496	T5427	5.6 X 23.5	115	139	110	124	120
T5411F	55 X 29.8	515	627	490	543	527	T5428	8.4 X 25	108	131	102	113	110
T5412D	55 X 55	766	930	726	804	781	T5429	28.5 X 19.5	243	296	232	255	248
T5413D	55 X 49	745	904	706	783	760	T5430	20 X 6.8	94	115	89	100	97
T5413E	55 X 23.8	468	567	443	492	478	T5431	21 X 23.1	237	289	224	248	241
							T5432	8 X 25.3	179	219	171	191	185
							T5433	10.8 X 25	131	160	125	136	132

HÀNG CÔNG TRÌNH

- Đặt hàng

- Kích thước 6m đặt hàng trên 20 thanh, kích thước khác đặt hàng trên 50 thanh

- Dưới số lượng quy định cộng thêm phần trăm





CTY TNHH MTV PHONG PHONG PHÚ

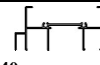
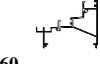
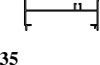
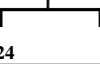
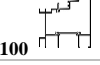
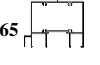
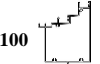
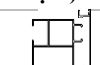



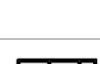
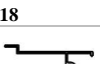
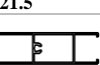


Hương Lộ 2- Phường Bình Trị Đông - Quận Bình Tân-TP.HCM

















Tel: (028) 3762 0419 - 0937 582 568 - Chi Lương: 0938 873 808

BẢNG GIÁ NHÔM THANH CAO CẤP TUNGSHIN HỆ TS888 - TS188

Áp dụng từ: 01/01/2021

DVT: 1000Đ (Giá đã bao gồm thuế GTGT 10%)

Mã số	Kích thước & mặt cắt	Trắng, Nâu, Xám	Vàng	Trắng mờ	Màu X. Nhám 927	Sơn TB Màu #265
<b>HỆ CỬA SỔ LỬA CAO CẤP TS888</b>						
<b>T8801</b> Máng Trên	 78.5 X 40	663	739	641	688	688
<b>T8802</b> Máng dưới	 78.5 X 60	827	922	800	818	788
<b>T8803</b> Khung bao	 80.2 X 35	468	522	453	458	458
<b>T8803C</b>	 77.3 x 24	274	305	265	300	275
<b>T8805</b> Máng Trên	 78.5 X 100	1248	1390	1207	1222	1222
(Trên lửa -Dưới lửa)						
<b>T8805B</b> Máng Trên	 78.5 X 65	909	1013	879	875	870
(Trên cố định -Dưới lửa)						
<b>T8804</b> Máng Dưới	 78.5 X 100	1364	1520	1320	1382	1382
(Trên lửa -Dưới cố định)						
<b>T8813</b> Trung gian	 48 X 43	507	565	490	526	526
<b>T8813A</b> Trung gian	 48 X 25	343	382	332	361	361
<b>T8821</b> Ngang kh.lưới	 52 X 13.7	314	350	304	310	310
<b>T8822</b> Đứng kh.lưới	 35 X 16	233	259	225	246	234
<b>T8823</b> Ngang giữa lưới	 30 X 13.7	208	232	201	201	201
<b>T8851</b> Ngang cánh trên	 36.9 X 18	270	301	261	262	262
<b>T8852</b> N. cánh dưới nhỏ	 50.8 X 21.5	349	389	338	346	346
<b>T8852A</b> N. cánh dưới lớn	 76.5 X 21.5	465	518	450	468	468
<b>T8855</b> Đứng tron	 42.7 X 25	340	379	329	356	332

Mã số	Kích thước & mặt cắt	Trắng, Nâu, Xám	Vàng	Trắng mờ	Màu X. Nhám 927	Sơn TB Màu #265
<b>HỆ CỬA SỔ LỬA CAO CẤP TS188</b>						
<b>T8101</b> Máng Trên	 98.4 X 40	826	920	799	859	856
<b>T8102</b> Máng dưới	 98.4 X 55	1042	1161	1009	1047	1022
<b>T8103</b> Khung bao	 100 X 35	551	614	533	550	548
<b>T8103A</b> Khung bao	 98.4 X 80	554	618	536	549	549
<b>T8103B</b>	 97.1 x 26	327	365	317	328	328
<b>T8105</b> Máng trên	 98.4 X 80	1327	1478	1284	1300	1299
(Trên cố định -Dưới lửa)						
<b>T8113</b> Trung gian	 50 X 53	752	838	728	748	746
<b>T8114</b> Đứng kh.lưới	 50 X 16	302	336	292	314	314
<b>T8106</b> Ngang cánh trên	 50 X 18	379	422	367	392	391
<b>T8108</b> N. cánh dưới nhỏ	 67.8 X 21.5	432	482	418	453	451
<b>T8109</b> N. cánh dưới lớn	 92.6 X 21.5	584	651	565	601	604
<b>T8110</b> Đứng tron	 57 X 25	431	480	417	441	415
<b>T8111</b> Đứng móc nhỏ	 50 X 32.8	458	510	443	444	442
<b>T8112</b> Đứng móc lớn	 60.7 X 50	738	822	714	716	713
<b>T5405C</b> Đố giữa cố định	 97 X 40	894	1094	843	928	892
<b>T5401B</b> K. bao cố định	 97 X 34.5	768	856	743	764	761



**CTY TNHH MTV PHONG PHONG PHÚ**




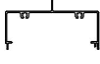

**Hương Lộ 2- Phường Bình Trị Đông - Quận Bình Tân-TP.HCM**





**Tel: (028) 3762 0419 - 0937 582 568 - Chi Lương: 0938 873 808**

**BẢNG GIÁ NHÔM THANH CAO CẤP TUNGSHIN HỆ TS888 - TS188**

Áp dụng từ: 01/01/2021

DVT: 1000Đ (Giá đã bao gồm thuế GTGT 10%)

Mã số	Kích thước & mặt cắt	Trắng, Nâu, Xám	Vàng	Trắng mờ	Màu X. Nhám 927	Sơn TB Màu #265
<b>HỆ CỬA SỔ LỬA CAO CẤP TS888</b>						
<b>T8856</b> Đứng móc nhỏ	 40 X 32.7	368	410	356	358	358
<b>T8856A</b> Đứng móc lớn	 40 X 30.2	532	593	514	515	515
<b>A8005</b> Đố giữa cd	 78.5 X 34	808	900	782	792	792
<b>T8401B</b> K. bao cố định	 78.5 X 30	544	606	526	546	534
<b>SY8593</b> Thanh ghép	 83.4 X 29.7	374	424	354	401	389

Mã số	Kích thước & mặt cắt	Trắng, Nâu, Xám	Vàng	Trắng mờ	Màu X. Nhám 927	Sơn TB Màu #265
<b>HỆ CỬA SỔ LỬA CAO CẤP TS188</b>						
<b>T1012</b> Ghép khung bao (10Cm)	 105.2 X 30	513	591	483	528	513
<b>T1013</b> Ghép K. bao 90° (10Cm)	 106 X 106	1899	2182	1745	1958	1901
<b>T1015</b> Ghép K. bao 135° (8Cm)		850	981	805	878	852
<b>T1016</b> Ghép K. bao 135° (8Cm)		1005	1163	926	1079	1048

CHUYÊN BÁN MÁY CẮT, MÁY DẬP CỬA NHÔM  
NHẬN GIA CÔNG, CẮT, DẬP CỬA LỬA HỆ TS888, TS188



## BẢNG GIÁ NHÔM THANH TUNGSHIN HỆ CAO CẤP

Áp dụng từ: 01/01/2021

ĐVT: 1000Đ (Giá đã bao gồm thuế GTGT 10%)

Mã số	Kích thước & mặt cắt	Trắng, Nâu, Xám	Vàng	Trắng mờ	Màu X. Nhám 927	Sơn TB Màu #265
<b>HỆ CỬA ĐI TS760-TS1076-TS1070-TS1070G</b>						
A7601A	76.2x38	650	805	617	618	618
A7601	76.2x38	677	836	646	644	644
A7602	76.2x38	588	725	559		601
A7603	32.1x18.2	200	245	193	190	190
A7604	17x26.3	190	238	185	183	183
A7605	58x16	277	342	263	264	264
A7606	76.2x38	909	1127	867	865	865
A7607	58x17	277	342	263	188	188
A7651B	82x32	779	968	749	744	744
A7652	60x34	603	746	571	572	572
A7653	72.8x37.5	668	827	638	637	637
A7652(4.4)	60x34	442	547	419	419	419
A7653(4.4)	72.8x37.5	490	606	468	467	467
A7652(4.8)	60x34	482	597	457	458	458
A7653(4.8)	72.8x37.5	534	662	510	510	510
A7654	110x30	846	1046	804	804	804
A7655	120x30	1032	1282	985	987	987
T7651	100x30	640	712	618	646	640
T7652	60x34	471	525	456	507	502
T7653	72.8x37.5	511	569	494	506	500
T7652(4.4)	60x34	345	385	334	372	368
T7653(4.4)	72.8x37.5	375	417	362	371	367
T7652(4.8)	60x34	377	420	365	406	402
T7653(4.8)	72.8x37.5	409	455	395	405	400
T7654	110x30	641	714	620	635	629

Mã số	Kích thước & mặt cắt	Trắng, Nâu, Xám	Vàng	Trắng mờ	Màu X. Nhám 927	Sơn TB Màu #265
T7611	12.8x16	96	107	93	98	100
A7611	12.8x16	130	159	124	120	120
T7656	25.8x17.8	178	199	172	174	172
T1076	101.6 x 44.5	917	1021	886	907	898
T1077	101.6 x 50	1073	1195	1038	1064	1053
T1071A	100 x 44.5	831	925	804	823	815
T1072	100 x 44.5	976	1087	944	968	958
T1073	100 x 44.5	754	840	729	748	740
T1072A	100 x 44.5	1134	1263	1097	1123	1111
<b>HỆ CỬA SỔ LỬA T720</b>						
T7201	48 x 25.7	341	411	321	356	346
T7202	37.5 x 32.7	367	446	346	385	374
T7203	50 x 22.7	403	492	379	422	410
T7204	50 x 22.7	326	395	306	342	332
T7205	70 x 31.6	471	567	443	494	480
T7206	70 x 34.2	373	453	349	390	379
T7207	70 x 22.1	318	385	299	336	326
T7208	35.1 x 21	203	245	195	215	209
T7208A	35.6 x 25.4	243	295	230	255	248
T7209	22.4 x 10.9	123	147	116	129	125
T9101	63.5 x 32	465	564	439	486	472
T9104	76 x 28.5	493	599	467	516	501
T9108		284	344	268	298	289

**HÀNG CÔNG TRÌNH**

- Đặt hàng
- Kích thước 6m đặt hàng trên 20 thanh, kích thước khác đặt hàng trên 50 thanh
- Dưới số lượng quy định cộng thêm phần trăm



**BẢNG GIÁ NHÔM THANH TUNGSHIN HỆ A**

Áp dụng từ: 01/01/2021

ĐVT: 1000Đ (Giá đã bao gồm thuế GTGT 10%)






Mã số	Kích thước & mặt cắt	Trắng, Nâu, Xám	Vàng	Trắng mờ	Màu X. Nhám 927	Sơn TB Màu #265	Mã số	Kích thước & mặt cắt	Trắng, Nâu, Xám	Vàng	Trắng mờ	Màu X. Nhám 927	Sơn TB Màu #265
<b>HỆ CỬA SỔ LỬA A500</b>							<b>HỆ CỬA ĐI A700</b>						
A5051 Máng trên	70x31.6	518	612	496	554	554	T7001 Khung bao	70x35	464	533	444	493	479
A5052 Máng dưới	70x34.2	448	525	424	475	475	A7002 Khung bao	70x30	438	513	417	467	467
A5053 Khung bao	72.8x22.1	349	407	333	373	373	A7005 Ghép giữa	70x30	684	802	652	766	744
A5054 Ngang trên	21.9x25.4	276	324	262	292	292	A7006 Ngang giữa	70x30	696	819	667	781	758
A5055 Ngang	54x21.9	393	457	369	414	414	A7051 Trên dưới	75x25.4	639	749	615	688	688
A5056 Đứng móc	34.9x28.5	360	421	342	384	384	A7052 Đứng trơn 6m	50x30	507	593	478	537	537
A5057 Đứng trơn	31.7x25.4	321	375	306	343	343	A7053 Đứng móc 6m	64x35.9	567	664	538	602	602
A5126 Trung gian	31.9x21.5	203	240	196	220	220	A7052 Đứng trơn	50x30	372	435	351	394	394
T5005	70x60	708	814	681	758	736	A7053 Đứng móc 4.4m	64x35.9	416	487	395	441	441
<b>HỆ A100&amp; CÁC LOẠI NỆP GÀI CAO CẤP</b>							<b>HỆ CỬA ĐI A700</b>						
A1001 Ngang giữa	101.6x44.5	1031	1184	992	1101	1069	A7052 Đứng trơn	50x30	406	474	382	430	430
A1002 Đứng hong	101.6x44.5	985	1130	947	1050	1019	A7053 Đứng móc 4.8m	64x35.9	454	531	430	482	482
A1003 Hình hộp	101.6x44.5	940	1077	902	1000	971	A7054 Đố giữa	100x25.4	790	926	750	841	841
A1009 Đứng hờ	101.6x44.5	775	892	747	828	804	A7109 Khung bao	70x23	383	446	364	410	410
A1010 Hông hờ	101.6x44.5	731	839	702	780	757	A4332 Lamri hộp	103x9.8	504	580	485	541	525
A1054 Ngang	98.4x44.5	966	1105	926	1029	999	T7055 Nẹp chia ô	24.09x17	195	224	185	208	202
T7014 Đế gài	31.8x25	217	248	209	231	224	T7056 Ngang chia ô	45x25	419	479	405	447	434
T7015 Đế gài	25x18.9	131	152	126	140	136	T7057 Nẹp chia ô	22x25	354	406	341	379	368
T4406 Đế gài	32.5x14.2	137	157	131	148	144	A7013 Hình hộp	76x25	477	559	447	442	442
T4407 Nẹp gài	12.7x14.2	81	95	79	89	86	AA7013 Hình hộp	76x25	519	599	500	556	540
T4408 Đế gài	29.8x14.3	107	125	103	116	113	A7004 Hình hộp	76x44	593	695	559	628	628
T4409 Nẹp gài	13.6x14.3	68	79	66	74	72	A7011 Hộp 2 gờ	25.4x76.2	559	659	538	597	597
T4410 Đế gài	38x14.8	147	172	142	157	152	A7012 Hộp 1 gờ	25.4x76.2	530	616	498	563	563
<b>HỆ A100&amp; CÁC LOẠI NỆP GÀI CAO CẤP</b>							<b>HỆ CỬA ĐI A700</b>						
							A7019 Khungbao gờ	25.4x76.2	406	471	379	449	436






**BẢNG GIÁ NHÔM THANH TUNGSHIN HỆ A**

Áp dụng từ: 01/01/2021

ĐVT: 1000Đ (Giá đã bao gồm thuế GTGT 10%)

Mã số	Kích thước & mặt cắt	Trắng, Nâu, Xám	Vàng	Trắng mờ	Màu X. Nhám 927	Sơn TB Màu #265
<b>T4411</b> Nẹp gài	12.2x14.8 	<b>74</b>	<b>81</b>	<b>72</b>	<b>79</b>	<b>77</b>
<b>I006</b> Đế gài	39.7x15.2 	<b>101</b>	<b>115</b>	<b>92</b>	<b>106</b>	<b>103</b>
<b>I007</b> Nẹp gài	14.5x15.2 	<b>65</b>	<b>75</b>	<b>63</b>	<b>69</b>	<b>67</b>
<b>I0210</b> Đế gài	20x14.8 	<b>57</b>	<b>65</b>	<b>53</b>	<b>60</b>	<b>58</b>
<b>I0212</b> Nẹp gài	13.72x15.5 	<b>68</b>	<b>79</b>	<b>66</b>	<b>74</b>	<b>72</b>

Mã số	Kích thước & mặt cắt	Trắng, Nâu, Xám	Vàng	Trắng mờ	Màu X. Nhám 927	Sơn TB Màu #265
<b>7016-3</b> Khung bao	80x30 	<b>642</b>	<b>737</b>	<b>616</b>	<b>684</b>	<b>664</b>
<b>7017-3</b> Ghép giữa	80x30 	<b>969</b>	<b>1104</b>	<b>933</b>	<b>1032</b>	<b>1002</b>
<b>F216</b>	53.8x53.8 	<b>435</b>	<b>498</b>	<b>417</b>	<b>461</b>	<b>448</b>

**HÀNG CÔNG TRÌNH**

- Đặt hàng
- Kích thước 6m đặt hàng trên 20 thanh, kích thước khác đặt hàng trên 50 thanh
- Dưới số lượng quy định cộng thêm phần trăm



**CTY TNHH MTV PHONG PHONG PHÚ**























**630 Hương Lộ 2- Phường Bình Trị Đông - Quận Bình Tân-TP.HCM**
























**Tel: (028) 3762 0419 - 0937 582 568 - Chi Lương: 0938 873 808**

**BẢNG GIÁ NHÔM THANH CAO CẤP TUNGSHIN HỆ MẶT DỪNG - VÁCH NGĂN**

Áp dụng từ:01/01/2021

DVT: 1000Đ (Giá đã bao gồm thuế GTGT 10%)

Mã số	Kích thước & mặt cắt	Trắng, Nâu, Xám	Vàng	Trắng mờ	Màu X. Nhám 927	Sơn TB Màu #265
<b>HỆ MẶT DỪNG TS1600</b>						
T1601	 160.6 x 50.8	2533	2822	2450	2457	2444
T1602	 74 x 50.8	1351	1506	1307	1343	1320
T1603	 108 x 50.8	1831	2040	1772	1821	1816
T1604	 83.3 x 50.8	1347	1501	1303	1333	1313
T1621	 131.6 x 70	2851	3176	2758	3069	2980
T1622	 128 x 63	2244	2500	2170	2408	2338
T1623	 100 x 50.8	1344	1497	1300	1349	1332
T1624	 121.9 x 50.8	1654	1843	1600	1665	1622
T1606	 37 x 32	418	466	404	398	396
T1607	 65.6 x 33.7	649	788	607	671	651
T1608	 86.4 x 44.6	2363	2633	2286	2273	2269
T1608A	 67.7 x 45.8	2009	2238	1943	1923	1913
T1609	 49.2 x 9.6	335	374	324	343	334
T1610	 50.8 x 25.4	292	326	283	280	276
T1609A	 47.6 x 17.3	369	411	357	355	353
T1610A	 50.8 x 20	258	288	250	258	253
T1611	 49.6 x 8	152	187	143	151	147
T1610B	 50.8 x 25.4	349	388	337	360	360
T1619	 70 x 30	501	607	470	528	513
T1620	 68.4 x 18.1	746	902	706	777	754
T1616	 26 x 22.5	162	185	154	174	169
T1605 (HTC01)	 112.1 x 50	1727	1924	1670	1642	1632

Mã số	Kích thước & mặt cắt	Trắng, Nâu, Xám	Vàng	Trắng mờ	Màu X. Nhám 927	Sơn TB Màu #265
<b>VÁCH NGĂN TS 1050 - TS1050G</b>						
T1101	 101.6x30	715	883	682	753	731
T1102	 101.6 x 44.5	735	905	699	773	750
T1103	 43.7 x 18.6	237	294	224	247	240
T1104	 20.3 x 33.85	193	239	185	202	196
T1105	 20.3 x 5.9	81	104	80	84	82
T1106	 101.6 x 44.5	1170	1442	1114	1231	1195
T1107	 101.6 x 44.5	1310	1618	1245	1376	1336
T1101B	 101.6 x 44.5	882	1089	838	931	904
T1102B	 101.6 x 70	1249	1516	1203	1326	1287
T1103A	 43.7 x 18.3	237	294	224	247	240
T1103B	 35.3 x 14.9	174	215	167	185	180
T1106A	 101.6 x 100	1600	1968	1526	1703	1653
T1101G	 100 x 44.5	880	1069	834	933	906
T1102G	 100 x 44.5	740	908	710	789	766
T1103G	 43.7 x 18.6	236	291	224	251	244
T1104A	 18.1 x 26.95	220	270	211	236	229
T1105G	 20.3 x 5.9	81	101	78	87	84
T1106G	 100 x 44.5	1156	1412	1114	1234	1198
T1107G	 100 x 44.5	1417	1730	1361	1503	1459
T1101A	 100 x 40	798	974	768	847	822
T1106AG	 100 x 80	1322	1619	1278	1405	1364
T1013G	 100 x 100	1566	1916	1506	1655	1607
T1110G	 87.8 x 23.1	665	804	636	705	684

- Kích thước 6m đặt hàng trên 20 thanh, kích thước khác đặt hàng trên 60 thanh.

- Dưới số lượng quy định cộng thêm phần trăm



**BẢNG GIÁ NHÔM THANH CAO CẤP TUNGSHIN HỆ CỬA ĐI**

Áp dụng từ: 01/01/2021

ĐVT: 1000Đ (Giá đã bao gồm thuế GTGT 10%)

Mã số	Kích thước & mặt cắt	Trắng, Nâu, Xám	Vàng	Trắng mờ	Màu X. Nhám 927	Son TD Màu #265
<b>HỆ CỬA ĐI - CỬA ĐI LÙA TS1000</b>						
A1005	101.6x112.7	1567	1903	1478	1647	1599
A1116	100x100	1507	1831	1423	1586	1540
A1006	50x61.3	382	462	360	403	391
A1003A	101.6x44.5	1134	1379	1071	1191	1156
A1001A	101.6x44.5	1235	1497	1165	1296	1258
A1002A	101.6x44.5	1180	1438	1118	1243	1207
A1009A	101.6x44.5	895	1085	844	938	911
T1001A	101.6x44.5	1029	1277	977	1083	1051
T1002A	101.6x44.5	985	1222	940	1036	1006
T1009A	101.6x44.5	738	909	702	776	753
A1055	60x51	733	903	697	771	749
A1065	91.5x51	947	1176	904	996	967
A1061	76x44.5	844	1046	804	886	860
A1062	76 x 44.5	824	1018	782	866	841
A1063	76 x 44.5	852	1051	811	896	870
A1063B	76 x 44.5	855	1062	815	900	874
A1111	101.6 x 44.5	969	1196	920	1018	988
A1112	101.6 x 45	1089	1340	1033	1140	1107
A1113	101.6 x 44.5	769	966	750	826	802
A1115	100 x 80	1591	1968	1513	1671	1622
A1115A	101.6 x 45	1332	1648	1268	1399	1358
A1004	35.4 x 31.2	642	738	616	691	671
T134	24 x 27	425	522	410	456	443

Mã số	Kích thước & mặt cắt	Trắng, Nâu, Xám	Vàng	Trắng mờ	Màu X. Nhám 927	Son TD Màu #265
<b>HỆ CỬA ĐI TS700 BẢN LỚN</b>						
PX127	101.6x44.5	728	810	704	743	742
Khung bao						
A7052A	100 x 30	667	752	642	651	651
Đứng trơn 4.4m						
A7053A	114 x 36	722	812	683	711	711
Đứng móc 4.4m						
A7052A	100 x 30	728	821	700	710	710
Đứng trơn 4.8m						
A7053A	114 x 36	787	886	746	776	776
Đứng móc 4.8m						
A7052A	100 x 30	910	1026	875	888	888
Đứng trơn 6m						
A7053A	114 x 36	984	1107	932	970	970
Đứng móc 6m						
<b>CÁC MẶT HÀNG MỚI</b>						
PX125	105 x 105	1275	1420	1233	1212	1212
PX133	50 x 50	431	480	417	432	431
PX107	58.3 x 23.75	157	174	151	167	167
Lá sách 1 lỗ vít						
PX128	69.3 x 38.5	567	602	522	578	578
PX90	86 x 38.4	1303	1475	1256	1310	1272
Bản lề sàn						
PX92	52.3 x 39.2	410	456	396	422	422
PX93	34.2 x 26.3	190	212	184	194	182
Tr. gian cửa đi lùa						
PX94	102 x 58	313	348	303	319	310
Lá sách chữ Z						
PX72	100 x 34	818	996	787	862	837
PX73	114 x 40	899	1091	853	943	916
PX74	101.6 x 44.5 x 1.2	617	709	595	667	648

**HÀNG CÔNG TRÌNH**























- Đặt hàng, kích thước 6m đặt hàng trên 20 thanh, kích thước khác đặt hàng trên 50 thanh.
- Dưới số lượng quy định cộng thêm phần trăm



















**BẢNG GIÁ NHÔM THANH TUNGSHIN HỆ CAO CẤP**

Áp dụng từ: 01/01/2021

DVT: 1000Đ (Giá đã bao gồm thuế GTGT 10%)

Mã số	Kích thước & mặt cắt	Trắng, Nâu, Xám	Vàng	Trắng mờ	Màu X. Nhám 927	Sơn TB Màu #265
<b>HỆ CỬA CỬA ĐI TS1100</b>						
T1201	 100x45	954	1249	923	971	943
T1201A	 100x45	744	964	720	758	736
T1202	 100x54.5	1076	1409	1041	1095	1063
T1210	 100x45	1091	1429	1055	1110	1078
T1251	 123.5x37	961	1264	929	979	950
T1252	 125x40	1081	1418	1046	1101	1069
T1253	 125x47.1	1151	1506	1114	1172	1138
T1252(4.4)	 125x40	793	1040	767	807	784
T1253(4.4)	 125x47.1	844	1104	817	860	835
T1252(4.8)	 125x40	865	1134	837	881	855
T1253(4.8)	 125x47.1	921	1205	891	938	910
T1254	 45x37	445	584	431	453	440
T1255	 75x37	631	826	610	642	623
T1203	 36.7x20.7	222	289	215	226	219
T1201B	 37x30	318	384	296	330	320
T1204	 36.7x28.4	310	405	300	315	306
T1205	 37.2x28.4	304	400	295	310	301
T1205A	 37x28.5	291	382	281	297	288
T1206	 41.1x45	626	819	606	638	619
T1207	 33.7x55.5	474	730	458	482	468
T1208	 40x15	196	258	190	200	194
T1209	 200x17.5	1377	1808	1333	1402	1361

Mã số	Kích thước & mặt cắt	Trắng, Nâu, Xám	Vàng	Trắng mờ	Màu X. Nhám 927	Sơn TB Màu #265
<b>HỆ CỬA ĐI TS1300</b>						
T1301	 100x43.5	941	1138	881	982	953
T1301A	 100x43.5	873	1056	812	904	878
T1301B	 100x40	891	1078	832	924	897
T1303	 70.5x21.2	276	331	259	290	282
T1305	 100x68.5	1074	1297	1014	1115	1083
T1305B	 100x30	1136	1368	1076	1178	1144
T1351	 110x37	870	1098	841	879	853
T1351A	 90x37	758	960	733	767	745
T1351B	 90x37	793		767	801	778
T1352	 80x40	857	904	829	724	703
T1353	 80x47.1	820	1033	794	829	805
T1352(4.4)	 80x40	628	663	608	531	516
T1353(4.4)	 80x47.1	601	758	582	608	590
T1352(4.8)	 80x40	686	723	663	579	562
T1353(4.8)	 80x47.1	656	826	635	663	644
T1354	 45x37	423	537	409	428	416

**HÀNG CÔNG TRÌNH**

- Đặt hàng, kích thước 6m đặt hàng trên 20 thanh, kích thước khác đặt hàng trên 50 thanh.
- Dưới số lượng quy định cộng thêm phần trăm





**BẢNG GIÁ NHÔM THANH TUNGSHIN HỆ CAO CẤP**

Áp dụng từ: 01/01/2021

ĐVT: 1000Đ (Giá đã bao gồm thuế GTGT 10%)

Mã số	Kích thước & mặt cắt	Trắng, Nâu, Xám	Vàng	Trắng mờ	Màu X. Nhám 927	Sơn TB Màu #265
<b>HỆ CỬA SỔ BẠT TS380</b>						
A3804	70 x 30	545	663	515	574	557
AA3808	69.7 x 29.8	455	534	414	481	467
A3809	70 x 30	875	1063	824	919	892
A3801A	39.5 x 38.5	403	490	379	420	408
A3802	66.5 x 38.5	542	660	513	571	554
AA3810	66.5 x 38.9	797	967	752	836	812
T3807	39.7 x 39.7	1239	1503	1169	1303	1265
<b>HỆ CỬA SỔ BẠT TS838 - TS1038 - TS1038A</b>						
T8301	80 x 35	652	726	631	641	641
T8302	80 x 35	1032	1150	999	1013	1013
T8309	80 x 60	1080	1338	1029	1137	1104
T8310	80 x 60	1227	1518	1167	1288	1250
T5301	100 x 35	803	895	777	802	797
T5301A	100 x 61.5	1219	1504	1158	1279	1242
T5302	100 x 35	1139	1269	1102	1161	1158
T5303	38 x 69	631	703	610	632	630
T5303A	38 x 69	613	683	593	611	608
T5304	67.8 x 58.4	519	644	497	548	532
T5305	36 x 24.5	184	205	178	202	196
T5305A	36 x 24.3	184	205	178	181	181
T5306	65 x 65	1205	1487	1144	1266	1229

Mã số	Kích thước & mặt cắt	Trắng, Nâu, Xám	Vàng	Trắng mờ	Màu X. Nhám 927	Sơn TB Màu #265
T5501	100 x 55	936	1043	906	960	944
T5502	100 x 66	1199	1336	1160	1211	1208
T5502A	100 x 64	1119	1247	1083	1134	1127
T5503	100 x 44.5	848	945	820	857	855
T5505	100 x 46	1261	1405	1220	1275	1271
T5505A	100 x 100	1769	1970	1711	1786	1783
T5505B	100 x 75.2	1686	1878	1631	1703	1699
T5504	33.1 x 68.2	613	683	593	621	618
T5507	60 x 36.3	580	646	561	591	585
T5508	42.5 x 40.5	381	425	369	388	384
T5509	32.8 x 22.5	159	178	154	163	160
T5510	31.6 x 16.7	145	176	138	155	150
T5501B	40 x 15	410	497	393	434	421
T5501G	40 x 15	363	440	347	384	373
T5502B	40 x 15	476	578	455	506	491
T5502G	40 x 15	476	578	455	506	491
T5503G	40 x 15	324	393	311	345	335

**HÀNG CÔNG TRÌNH**

- Đặt hàng
- Kích thước 6m đặt hàng trên 20 thanh, kích thước khác đặt hàng trên 50 thanh
- Dưới số lượng quy định cộng thêm phần trăm



**BẢNG GIÁ NHÔM THANH TUNGSHIN HỆ CAO CẤP**

Áp dụng từ: 01/01/2021

ĐVT: 1000Đ (Giá đã bao gồm thuế GTGT 10%)

Mã số	Kích thước & mặt cắt	Trắng, Nâu, Xám	Vàng	Trắng mờ	Màu X. Nhám 927	Sơn TB Màu #265
<b>HỆ LÁ SÁCH BẬT - CỐ ĐỊNH F200</b>						
F201	80 x 35	685	763	662	705	705
F201A	80 x 35	755	841	730	779	779
F202	80 x 46	606	753	579	638	619
F203	80 x 35	499	556	482	524	524
F203A	80 x 35	511	570	494	527	527
F205	59 x 20	211	235	204	216	216
F205A	38 x 10	128	143	124	128	128
F206	56 x 20	277	342	263	293	284
F207	56 x 26	254	282	245	266	266
F208A	93 x 57	414	461	401	419	419
F209	101 x 8	282	347	268	297	288
F210	19 x 19	196	239	185	204	198
F211	-	89	99	86	94	94
F217	56 x 35	296	330	286	310	310
F217A	35 x 52	239	267	232	258	258
F370	27.7 x 48.3	479	593	457	501	486
F371	76.6 x 31.6	702	867	667	729	708
CA104C	18.2 x 10.4	78	96	75	82	80

Mã số	Kích thước & mặt cắt	Trắng, Nâu, Xám	Vàng	Trắng mờ	Màu X. Nhám 927	Sơn TB Màu #265
<b>HỆ LÁ SÁCH ĐIỀU CHỈNH TS660</b>						
T6601	83.6 x 42.4	603	746	571	627	609
T6601A	57.4 x 42.4	508	636	491	528	513
T6603	85.2 x 60.7	708	878	674	735	714
T6603A	60.7 x 60.2	650	805	616	678	658
T6605	75.9 x 60.2	733	903	697	762	740
T6606	20.8 x 18.8	201	248	194	211	205
T6607	122.4 x 12.3	522	649	498	543	527
T6607A	145 x 7	532	652	502	553	537
T6608	65 x 17	431	525	412	449	436
T6610	65 x 17	447	543	429	467	453
T6614	30.4 x 10.4	196	240	189	206	200

**HÀNG CÔNG TRÌNH**

- Đặt hàng, Kích thước 6m đặt hàng trên 20 thanh, kích thước khác đặt hàng trên 50 thanh
- Dưới số lượng quy định cộng thêm phần trăm